

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI NAM NINH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

-----000-----

Tang

01-02

1. BẢO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

03-04

2. BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

05-06

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

07

4. BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

08

5. BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

09-26

6. BÀN THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHỖ

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh (sau đây được viết tắt là "Công ty")  
trên cơ sở đề trình báo cáo này cũng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2017.

1. Thông tin chung về Công ty  
Thành lập

Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số  
1134/2000/QĐ-UB ngày 02/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc đổi tên XI nghiệp quản lý khai  
thác công trình thủy lợi Nam Ninh thành Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh.

Công ty được chuyển đổi mô hình quản lý thành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh  
theo Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt đề  
án chuyển Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.  
Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số  
0600000185 cấp lần đầu ngày 04/3/2009; thay đổi lần thứ 02 (hạt) ngày 20/01/2017 với vốn điều lệ là  
565.740.096.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn  
đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: thôn Nội, xã Nam Thành, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.  
Hình thức sở hữu vốn: TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.  
Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là 608.355.300.089 đồng (Sáu trăm linh tám tỷ,  
ba trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

Hoạt động kinh doanh chủ yếu

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất  
nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các thành phố kinh tế khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, đê kè, một  
phần cơ điện; Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dùng: Tư vấn thiết kế các công trình thủy lợi, dân dụng, cơ điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn giám sát các công trình thủy lợi, dân dụng, cơ điện.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động  
Số liệu về tình hình tài chính tại chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng  
ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo  
lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

3. Thành viên Ban Lãnh đạo

Các thành viên Ban Lãnh đạo đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính  
này gồm có:

Ông	Le Đình Kiểm	Ông	Bùi Phong Sơn
Ông	Trần Văn Dân	Ông	Đặng Văn Hòa
Ông	Giám đốc	Ông	Giám đốc
	Chủ tịch Công ty - Người đại diện theo pháp luật		Phó Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**4. Kiểm toán độc lập**

Chỉ nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISCS) được chỉ định là Kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**5. Cam kết của Chủ tịch**

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giải thích rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

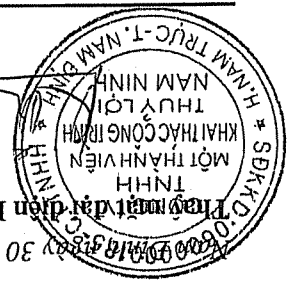
**6. Xác nhận**

Ban Lãnh đạo Công ty xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

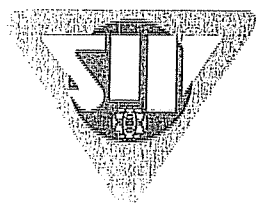
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Thay mặt đại diện Ban Lãnh đạo



Lê Đình Kiêm

Chủ tịch Công ty



Số: 180301/BCKT-AISHN

**BẢO CAO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Kính gửi:*

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**

**BẢN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM NINH**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÍNH HỢC TP.HCM**

Auditing & Informatic Services Company Limited

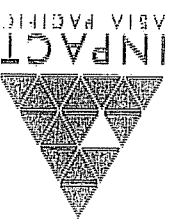
Office: 389A Biên Bình Phường, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3834 2957

Email: info@aic.com.vn

Website: www.aic.com.vn



Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Ninh (sau đây được viết tắt là "Công ty") được lập ngày 31/12/2017, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty**  
Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về việc soạn nội bộ mà Chủ tịch Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**  
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm toán dựa trên xét đoán của kiểm toán viên và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm danh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện danh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm danh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch công ty cũng như danh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoài trừ của chúng tôi.  
**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoài trừ**  
Chúng tôi không thể tham gia kiểm toán kế tiền mặt, hàng tồn kho, công trình xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2017. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế, tuy nhiên chúng tôi cũng không thể khẳng định được tính hiện hữu của các chi tiêu này trên Báo cáo tài chính.

Branch in Ho Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi  
Branch in Da Nang : 36 Ho Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang  
Representative in Can Tho : 48B/243/1A, 30/4 St, Ninh Kieu Dist, Can Tho City  
Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong  
Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vn.vn  
Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aisc@ctdng.vn.vn  
Tel: (031) 3569 577 Fax: (0710) 3813 004 Fax: (031) 3569 576

100 N H 1/17

Y kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Bảo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018



Bộ Tài Chính Việt Nam cấp  
Số Giấy CNDKHNKT: 0078-2018-005-1

KIỂM TOÁN VIÊN

Đào Ngọc Anh  
Số Giấy CNDKHNKT: 3989-2017-005-1  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG</b>			17.335.635.782	17.637.395.819
I. Tiền và các khoản tương đương tiền			13.587.021.318	16.478.452.591
1. Tiền	V.1		13.587.021.318	16.478.452.591
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn			3.359.446.724	964.264.094
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.2a		2.950.000.000	0
2. Phải thu ngắn hạn khác	V.3		409.446.724	964.264.094
IV. Hàng tồn kho			178.630.312	142.108.127
1. Hàng tồn kho	V.5		178.630.312	142.108.127
V. Tài sản ngắn hạn khác			210.537.428	52.571.007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a		210.537.428	52.571.007
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			618.124.477.368	590.290.666.248
I. Các khoản phải thu dài hạn			10.000.000	10.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.2b		10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định			613.682.431.240	583.664.834.967
1. Tài sản cố định hữu hình			613.682.431.240	583.664.834.967
- Nguyên giá	V.8		723.674.477.996	690.525.634.719
- Giá trị hao mòn lũy kế			(109.992.046.756)	(106.860.799.752)
III. Bất động sản đầu tư			230	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn			3.396.525.420	5.753.232.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.6a		3.396.525.420	5.753.232.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn			0	0
VI. Tài sản dài hạn khác			1.035.520.708	862.599.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b		1.035.520.708	862.599.281
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>635.460.113.150</b>	<b>607.928.062.067</b>

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
-----------	-------	-------------	------------	------------

**C. NỢ PHẢI TRẢ**

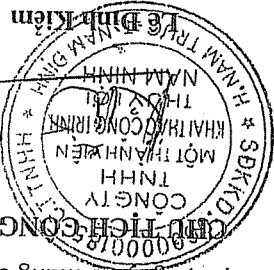
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		27.037.431.312	20.628.173.540
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9a	6.367.054.312	8.019.513.299
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.780.393.185	7.688.496.333
3. Phải trả người lao động	314		73.683.825	80.162.188
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	90.162.188	66.421.430
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	66.421.430	5.655.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		350.738.684	258.505.886
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		20.670.377.000	12.608.660.241
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	20.660.377.000	12.598.660.241
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11	10.000.000	10.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		608.422.681.838	587.299.888.527
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.14	608.422.681.838	587.299.888.527
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		608.355.300.089	587.232.506.778
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.381.749	67.381.749
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	430		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		635.460.113.150	607.928.062.067

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Thị Mơ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thủy



Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

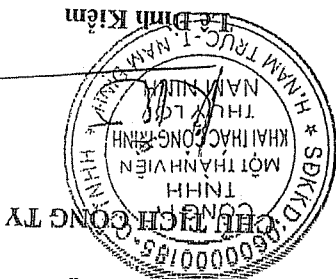
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
----------	-------	-------------	----------	----------

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.610.124.025	57.501.159.960
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	56.610.124.025	57.501.159.960
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	51.855.607.781	53.345.542.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.754.516.244	4.155.617.847
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	878.886.400	1.286.054.400
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.179.977.844	5.053.343.940
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		453.424.800	388.328.307
9. Chi phí khác	32	VI.6	149.193.803	85.829.513
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		149.193.803	85.829.513
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		304.230.997	302.498.794
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	60.846.199	60.606.531
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		243.384.798	241.892.263

Nam Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KÊ TOÁN TRƯỞNG  
Trần Thị Thủy

NGƯỜI LẬP BIỂU  
Hoàng Thị Mơ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MIA SỐ	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
----------	--------	-------------	----------	----------

**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.676.545.455	57.312.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10.191.888.380)	(12.360.05.616)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.933.801.026)	(19.705.772.193)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(60.606.531)	(7.173.115)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.216.704.047	920.758.508
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(6.644.288.783)	(2.683.938.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.062.664.782</b>	<b>23.475.669.311</b>

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSPH khác	21		(30.851.583.002)	(30.289.468.809)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSPH khác	22		18.600.547	38.077.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.000.000.000)	(33.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.000.000.000	33.000.000.000
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		878.886.400	1.286.054.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(29.954.096.055)</b>	<b>(28.965.337.137)</b>

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH**

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(2.891.431.273)	(5.489.467.826)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.478.452.591	21.967.920.417
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		13.587.021.318	16.478.452.591

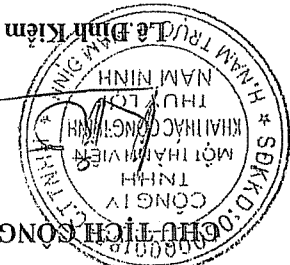
Ban thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Hoàng Thị Mơ

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG T. VÀ Đ. KH. NAM NINH

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2018

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM NINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. BẮC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Thành lập**

Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1134/2000/QĐ-UB ngày 02/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc đổi tên XT nghiệp quan lý khai thác công trình thủy lợi Nam Ninh thành Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh.

Công ty được chuyển đổi mô hình quản lý thành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh theo Quyết định số 2834/QĐ-UBND ngày 23/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh thành Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Ninh.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600000185 cấp lần đầu ngày 04/3/2009; thay đổi lần thứ 02 (hạt) ngày 20/01/2017 với vốn điều lệ là 565.740.096.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty là 608.353.300.089 đồng (Sáu trăm linh tám tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: thôn NỐI, xã Nam Thành, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Hình thức sở hữu vốn: TNHH Một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong năm 2017 là: Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu nước, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi, dân dụng, giao thông.

**3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TẾ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

**III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**IV. CÁC CHỈ SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Các thay đổi trong các chỉ sách kế toán và thuyết minh

Các chỉ sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chỉ sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn và các khoản quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền; đảm bảo đã được kiểm kê và có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.  
Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu qua hạn thanh toán, nợ phải thu chưa hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Được phản ánh và ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền;

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp"; Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng: Thời gian khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ (tiếp theo)

Ngôi ra, một số tài sản của Công ty năm trong danh mục tài sản cố định của Công ty Khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính:

- Tài sản được xây dựng bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước.
- Máy bơm nước từ 8.000 m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm một tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo công trình. Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu xong thì đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng chưa thực tế chưa phát sinh và chưa trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp đã cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng mà giao dịch cung cấp sản phẩm, dịch vụ đã liên quan đến nhiều kỳ kế toán và khách hàng nghiệm thu một phần hoặc toàn bộ sản phẩm, dịch vụ đã được cung cấp liên quan đến nhiều kỳ kế toán đó.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán và cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu trong tình trạng khách hàng trả tiền trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu được nhà nước giao vốn, được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính và việc: "Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu của dịch vụ công ích

Doanh thu từ hoạt động tưới tiêu trong kỹ được ghi nhận theo giá trị nghiệm thu thực tế dựa trên diện tích tưới tiêu thực tế được kỹ giữa Công ty và các hợp tác xã.